TÒA ÁN QUÂN SỰ **KHU VỰC 2 - QUÂN KHU 2**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 04/2018/HS-ST
Ngày 31- 10 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC 2 QUÂN KHU 2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 3// Phạm Hồng Quang.

Các Hội thẩm quân nhân:

2// Phan Dương Cường- Giáo viên.

2// Nguyễn Đình Phong.

- Thư ký phiên tòa: 4/ Nguyễn Thế Vinh- Thư ký Tòa án quân sự Khu vực 2, Quân khu 2.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 21 tham gia phiên tòa: 4/ Lương Minh Tú và 3/ Bùi Thị Lệ Xuân- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại Phòng xử án Tòa án quân sự Khu vực 2- Quân khu 2; Tòa án quân sự Khu vực 2- Quân khu 2 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1, Vũ Chiến T, sinh ngày 13 tháng 4 năm 1996 tại huyện PN, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu 2, xã TT, huyện PN, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức T 57 tuổi và bà Nguyễn Thị H 45 tuổi; vợ là Nguyễn Thị L, có 01 con 01 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật lần nào; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 28/6/2018 đến ngày 04/7/2018 tại Trại Tạm giam quân sự Quân khu 2, cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/7/2018 đến nay. Có mặt.

2, Phạm Trung T, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1995 tại xã TS, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Thôn 1, xã TS, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình M 57 tuổi và bà Nguyễn Thị H 55 tuổi; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật lần nào; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 28/6/2018 đến ngày 04/7/2018 tại Trại Tạm giam quân sự Quân khu 2, cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/7/2018 đến nay. Có mặt.

3, Trần Phương N, sinh ngày 08 tháng 7 năm 1997 tại xã TT, huyện PN, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Phường VP, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ (nơi đơn vị đóng

quân); nghề nghiệp: Bộ đội; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: B1 - CS - C1 - D1- Đoàn H Quân khu 2; nhập ngũ tháng 02/2017; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B 47 tuổi và bà Nguyễn Thị H 42 tuổi; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật lần nào; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 28/6/2018 đến ngày 04/7/2018 tại Trại Tạm giam quân sự Quân khu 2, cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/7/2018 đến nay. Có mặt.

4, Đặng Ngọc A, sinh ngày 19 tháng 6 năm 1992 tại xã TT, huyện PN, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu 2, xã TT, huyện PN, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn K 64 tuổi và bà Hoàng Thị T 60 tuổi; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật lần nào; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 28/6/2018 đến ngày 04/7/2018 tại Trại Tạm giam quân sự Quân khu 2, cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/7/2018 đến nay. Có mặt.

5, Hoàng Anh T, sinh ngày 28 tháng 6 năm 1996 tại xã YK, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Thôn 2, xã YK, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn N 50 tuổi và bà Vũ Thị Minh H 47 tuổi; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật lần nào; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 28/6/2018 đến ngày 04/7/2018 tại Trại Tạm giam quân sự Quân khu 2, cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/7/2018 đến nay. Có mặt.

6, Nguyễn Văn L, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1999 tại xã MP, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu 7, xã MP, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T 50 tuổi và bà Lưu Thị Y 43 tuổi; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật lần nào; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 28/6/2018 đến ngày 04/7/2018 tại Trại Tạm giam quân sự Quân khu 2, cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/7/2018 đến nay. Có mặt.

7, Ngô Minh H, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2000 tại xã TT, huyện PN, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu 2, xã TT, huyện PN, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn T 42 tuổi và bà Trương Thị N 37 tuổi; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật lần nào; bị cáo được Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 1- Quân khu 2 giao cho gia đình giám sát từ ngày 29/6/2018 đến nay. Có mặt.

8, Lê K, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2000 tại xã CM, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Thôn 7, xã CM, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hải C 49 tuổi và bà Phạm Thị T 49 tuổi; chưa có

vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật lần nào; bị cáo được Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 1-Quân khu 2 giao cho gia đình giám sát từ ngày 29/6/2018 đến nay. Có mặt.

- *Những người tham gia tố tụng khác:*

+ Người đại diện hợp pháp của bị cáo Ngô Minh H:

Ông: Ngô Văn T, sinh năm 1976; nơi cư trú: Khu 2, xã TT, huyện PN, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; là bố đẻ của bị cáo Ngô Minh H. Có mặt.

+ Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê K:

Ông: Lê Hải C, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn 7, xã CM, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Cán bộ xã; là bố đẻ của bị cáo Lê K. Có mặt.

+ Người bào chữa:

Bà: Bùi Thị Thanh N- Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ là người bào chữa cho các bị cáo Ngô Minh H và Lê K. Có mặt.

+ Người làm chứng:

1, Đào Duy K. Có mặt.

2, Nguyễn Thị Đức T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09h00 ngày 28/6/2018 Trần Phương N, Hoàng Anh T, Phạm Trung T, Nguyễn Văn L, Vũ Chiến T, Đặng Ngọc A, Lê K đang ngồi uống nước ở ngã ba Đền Hùng. Lúc này Vũ Chiến T có nói "Anh em mình đánh bài tí đi". Cả nhóm nhất trí và thống nhất đánh bạc ăn tiền dưới hình thức 3 cây; Phạm Trung T đã đi mua bài về để chơi. Lúc này Trần Phương N, Lê K, Vũ Chiến T đi cắm điện thoại để lấy tiền chơi bài. Sau đó cả nhóm đi tìm nơi để đánh bạc, khi đến một nhà nghỉ ở khu vực TV do không có phòng nên cả nhóm tiếp tục đi đến nhà nghỉ HT thuộc khu 2B, phường NT, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ thuê phòng 301 để đánh bạc. Tại đây do Phạm Trung T, Nguyễn Văn L, Đặng Ngọc A không có tiền để đánh bạc nên Lê K đã đồng ý cho T, L, A vay tiền để chơi (mỗi người 2.000.000đ) còn K ngồi xem. Quá trình đánh bạc các đối tượng thống nhất chỉ sử dụng 36 quân bài từ 1 đến 9 để đánh, khi chơi người chia bài (người cầm chương) chia đều cho mỗi người chơi 03 lá bài úp mặt. Sau đó các người chơi cộng lại tính tổng điểm của 03 quân bài đó và so sánh với điểm của người cầm chương. Nếu người cầm chương hơn điểm của người chơi thì người cầm chương sẽ được toàn bộ số tiền người chơi đặt cược trước đó. Nếu thấp hơn người chơi thì người cầm chương sẽ phải trả cho người chơi số tiền bằng số tiền mà người chơi đã đặt cược trước đó. Nếu bằng điểm thì so sánh theo các chất thứ tự từ cao xuống thấp: rô, cơ, tép, bích. Nếu ai được 10 điểm cao nhất thì sẽ được cầm chương ván tiếp theo, tối thiểu đặt cược là 100.000đ, không hạn chế mức đặt cược cao nhất. Khi chơi được

khoảng 30 phút thì Đặng Ngọc A có gọi điện thoại cho Ngô Minh H ra cùng chơi. Nhận được điện thoại H đi cùng Đào Duy K đến nhà nghỉ HT, đến nơi do không có tiền chơi nên H đã lấy nợ 1.000.000đ của Trần Phương N để đánh bạc; còn Đào Duy K do không có tiền chơi nên ngồi xem. Quá trình đánh bạc Nguyễn Văn L thắng được nhiều tiền nên đã trả lại cho Lê K số tiền đã vay là 2.000.000đ. Cả nhóm ngồi đánh bạc đến 10h00 thì bị Cơ quan Công an thành phố VT bắt quả tang.

Thu giữ trong vụ đánh bạc tổng số tiền: 14.500.000đ. Trong đó: thu giữ tại chiếu bạc 12.500.000đ; thu giữ trên người Lê K 2.000.000đ.

Tại bản Cáo trạng số 03/CT-KSĐT ngày 18/9/2018 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 21 đã truy tố các bị can Vũ Chiến T, Phạm Trung T, Trần Phương N, Đặng Ngọc A, Hoàng Anh T, Nguyễn Văn L, Ngô Minh H và Lê K về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự (BLHS).

Luận tội tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với 08 bị cáo như bản cáo trạng đã nêu; đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS) cho tất cả 08 bị cáo theo điểm i "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" và điểm s "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54 BLHS. Áp dụng Điều 35 BLHS cho 06 bị cáo (Vũ Chiến T, Phạm Trung T, Trần Phương N, Đặng Ngọc A, Hoàng Anh T và Nguyễn Văn L).

Riêng bị cáo Ngô Minh H và Lê K được áp dụng thêm Điều 91; Điều 34; Điều 98 BLHS; xử phạt:

1, Vũ Chiến T: 16.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng;

2, Phạm Trung T: 15.000.000 đồng đến 17.000.000 đồng;

3, Trần Phương N: 15.000.000 đồng đến 17.000.000 đồng;

4, Đặng Ngọc A: 15.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng;

5, Hoàng Anh T:15.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng;

6, Nguyễn Văn L: 15.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng;

7, Ngô Minh H: Cảnh cáo;

8, Lê K: Cảnh cáo.

Về xử lý vật chứng áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền đánh bạc của các bị cáo là 14.500.000đ.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy 36 quân bài tú lơ khơ và 01 ga trải giường bằng vải màu trắng.

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang của Công an phường NT- thành phố VT lập hồi 10h15 ngày 28/6/2018 thể hiện: "…Hồi 10h00 ngày 28/6/2018 tại phòng 301 nhà nghỉ HT thuộc khu 2B, phường NT, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ tổ công tác đội điều tra tội phạm về Trật tự xã hội Công an thành phố VT phát hiện, bắt quả tang 08 đối tượng đang có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài ba cây...". Vật chứng thu giữ:

36 quân bài tú lơ khơ và số tiền 12.500.000đ, 01 ga trải giường bằng vải màu trắng;

Thu giữ trong túi quần bên trái đang mặc của Lê K số tiền 2.000.000đ là số tiền K đã cho Nguyễn Văn L vay để đánh bạc sau đó được L trả lại;

Tạm giữ 07 điện thoại di động các loại của các đối tượng: Nguyễn Văn L, Ngô Minh H, Phạm Trung T, Đặng Ngọc A, Hoàng Anh T.

Các đối tượng Trần Phương N, Hoàng Anh T, Phạm Trung T, Nguyễn Văn L, Vũ Chiến T, Đặng Ngọc A, Lê K và Ngô Minh H đã khai nhận hành vi đánh bạc của mình...”

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận về diễn biến hành vi phạm tội như đã được nêu trên và có nội dung. Mục đích đánh bạc để tư lợi nên đã sát phạt nhau bằng hình thức đánh ba cây ăn tiền. Số tiền 12.500.000đ mà công an thu giữ tại chiếu bạc khi lập biên bản bắt người phạm tội quả tang là của các bị cáo đang dùng vào việc đánh bạc. Số tiền 2.000.000đ thu giữ của Lê K là số tiền K đã cho Nguyễn Văn L vay để đánh bạc, sau đó L đánh thắng trả lại K. Số người tham gia đánh bạc là 07 người. Số tiền của 07 người dùng vào việc đánh bạc từ khi đánh bạc đến khi bị bắt đều để dưới ga trải giường và là số tiền bị thu giữ 12.500.000đ. Khi tham gia đánh bạc, các bị cáo có số tiền dùng đánh bạc như sau: Vũ Chiến T có 3.000.000đ; Trần Phương N có 1.500.000đ; Đặng Ngọc A vay của Lê K 2.000.000đ; Phạm Trung T vay Lê K 2.000.000đ; Nguyễn Văn L vay Lê K 2.000.000đ; Ngô Minh H lấy nợ của Trần Phương N 1.000.000đ; Hoàng Anh T có 1.900.000đ; Lê K không đánh nhưng cho A, T, L mỗi người vay 2.000.000đ để đánh bạc; khi L đánh thắng đã trả lại K 2.000.000đ và cũng bị thu giữ. Các bị cáo đều nhận thức được việc đánh bạc và cho vay tiền để đánh bạc ăn tiền là sai, là vi phạm pháp luật.

Ngoài ra bị cáo Vũ Chiến T còn khai: Bị cáo là người khởi xướng việc đánh bạc và Phạm Trung T là người đi mua bài tú lơ khơ để đánh bạc. Khi đánh bạc các bị cáo kê 02 giường sát nhau và đánh bạc trên giường. Có Lê K và Đào Duy K không đánh bạc, chỉ ngồi xem.

Tại phiên tòa người làm chứng là Đào Duy K khai đã chứng kiến từ 9h30 ngày 28/6/2018 Ngô Minh H tham gia đánh bạc ăn tiền với 06 người dưới hình thức 3 cây, sau đó bị công an bắt quả tang, và tại cơ quan điều tra người làm chứng Nguyễn Thị Đức T khai đã phát hiện ra nhóm đánh bạc tại nhà nghỉ của mình nên sau đó báo công an thành phố VT, đồng thời cũng đề nghị không nhận lại 01 chiếc ga trải giường.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận mà chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa Bùi Thị Thanh N, bào chữa cho bị cáo Ngô Minh H và Lê K cho rằng: Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo K chưa đủ 18 tuổi, nhận thức pháp luật còn hạn chế; K chỉ là người cho vay tiền, là người giúp sức nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 91; Điều 95 BLHS miễn TNHS cho bị cáo K và áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Còn đối với H: Nhất trí như quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị.

Đại diện hợp pháp của bị cáo H và K đồng ý với quan điểm bào chữa của người bào chữa và không có ý kiến tranh luận mà chỉ đề nghị miễn TNHS cho bị

cáo K.

Đối đáp với các ý kiến tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng:

Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 54 BLHS xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho tất cả các bị cáo là hợp lý. Riêng đối với bị cáo Lê K, người bào chữa đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 91 BLHS, miễn TNHS cho bị cáo; đây là điều khoản tùy nghi, không bắt buộc phải áp dụng. Khi Vũ Chiến T khởi xướng việc đánh bạc, Lê K đã tiếp nhận ngay, tự nguyện cắm điện thoại của mình được 4.000.000 đ cộng với 2.000.000 đ của cá nhân cho 03 người vay nên đã tạo điều kiện cho 03 người đánh bạc (là người giúp sức tích cực). Do vậy Viện kiểm sát đề nghị cảnh cáo là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan ĐTHS Khu vực 1- Quân khu 2; Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự Khu vực 21; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Người bào chữa cho 02 bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội, bị cáo, đại diện hợp pháp của 02 bị cáo, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Như vậy có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Từ các nội dung nêu trên cho thấy: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa về thời gian, địa điểm, công cụ, phương thức thực hiện hành vi đánh bạc là phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang của Công an phường NT, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ; phù hợp với diễn biến của vụ án, lời khai của những người làm chứng, vật chứng đã được thu giữ. Từ các chứng cứ trên HĐXX có cơ sở xác định việc chơi bài tú lơ khơ bằng hình thức đánh "ba cây" được thua bằng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đang lưu hành) tại tầng 3 phòng 301 nhà nghỉ Hương Trà của Vũ Chiến T, Phạm Trung T, Trần Phương N, Đặng Ngọc A, Hoàng Anh T, Nguyễn Văn L, Ngô Minh H và Lê K là hành vi đánh bạc. Số tiền các bị cáo khai dùng vào việc đánh bạc là 12.400.000đ nhưng số tiền thu tại chiếu bạc là 12.500.000đ và thu giữ trên người con bạc là 2.000.000đ, tổng cộng là 14.500.000đ. Do có nhiều bị cáo (08 người) tham gia đánh bạc nên số tiền các bị cáo tự khai mang đi dùng vào việc đánh bạc và số tiền thu được có sự chênh lệch.

Thực tế thu giữ được số tiền 14.500.000đ mà các bị cáo đã dùng để đánh bạc nên căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 248 và Điều 249 BLHS năm 1999 (về tội "Đánh bạc" và "Tổ chức đánh bạc") nay là Điều 321 và Điều 322 BLHS năm 2015. Do đó HĐXX có đủ cơ sở kết luận các bị cáo đã đánh bạc trái phép với số tiền 14.500.000đ.

Từ những chứng cứ nêu và phân tích ở trên HĐXX có đầy đủ cơ sở khách quan và căn cứ pháp lý để kết luận hành vi của các bị cáo Vũ Chiến T, Phạm Trung T, Trần Phương N, Đặng Ngọc A, Hoàng Anh T, Nguyễn Văn L, Ngô

Minh H và Lê K đã phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

[3] Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra là ít nghiêm trọng, hành vi đó trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi, nhằm chiếm đoạt tiền bạc của nhau mà các bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi đó thể hiện sự coi thường pháp luật, do vậy phải bị lên án và xử lý nghiêm để giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[4] Qua xem xét toàn diện vụ án HĐXX thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn và do các bị cáo rủ nhau cùng thực hiện việc chơi ba cây ăn tiền nên các bị cáo đều chịu trách nhiệm theo cùng tội danh "Đánh bạc" và khung hình phạt. Vai trò của từng bị cáo được xác định như sau:

Đối với Vũ Chiến T là người khởi xướng việc đánh bạc và được mọi người hưởng ứng. Trong quá trình đánh bạc còn cho Hoàng Anh T vay 2.000.000đ để chơi. Do vậy Vũ Chiến T là người khởi xướng, người thực hành tích cực, nên bị cáo Vũ Chiến T là người chịu TNHS cao nhất trong vụ án.

Đối với Phạm Trung T, sau khi nghe Vũ Chiến T khởi xướng việc đánh bạc thì đã đi mua ngay 02 bộ bài tú lơ khơ và sử dụng 01 bộ bài vào việc đánh bạc. Do không có tiền chơi nên Phạm Trung T đã vay của K 2.000.000đ để đánh bạc. Do vậy Phạm Trung T là người thực hành tích cực, chịu trách nhiệm hình sự sau Vũ Chiến T.

Đối với Trần Phương N trực tiếp tham gia đánh, trong quá trình đánh bạc, khi Ngô Minh H đến đã trả H 1.000.000đ nên đã tạo điều kiện để H tham gia đánh bạc. Do vậy N là người thực hành và là người giúp sức nên phải chịu TNHS như Phạm Trung T.

Đối với Đặng Ngọc A, Hoàng Anh T, Nguyễn Văn L và Ngô Minh H trực tiếp tham gia đánh bạc, vì vậy 04 bị cáo đều là người thực hành và cùng phải chịu TNHS như nhau sau Vũ Chiến T, Phạm Trung T và Trần Phương N.

Riêng đối với Lê K không tham gia đánh bạc với cả nhóm. Tuy nhiên biết được nhóm đánh bạc nên đã cầm điện thoại của mình được 4.000.000đ (ngoài ra K còn có 2.000.000đ) lấy tiền cho T, A và L vay (mỗi người 2.000.000đ) để đánh bạc. Mặc dù biết các đối tượng vay tiền để đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng K vẫn cho các đối tượng vay mà bản thân chỉ ngồi xem, nên bị cáo Lê K đã phạm tội đánh bạc với vai trò là người giúp sức và phải chịu TNHS sau các bị cáo trên.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, HĐXX thấy: Các bị cáo (08 bị cáo) không có tình tiết tăng nặng TNHS theo Điều 52 BLHS; về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo (08) chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" theo điểm i khoản 1 và trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều khai báo thành khẩn, rõ ràng vì vậy các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ "Thành khẩn khai báo" theo ý 1 điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[6] Căn cứ mục đích của hình phạt cũng như yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm, HĐXX áp dụng Điều 17, Điều 58 BLHS về đồng phạm và quyết định hình phạt trong đồng phạm với tất cả các bị cáo.

[7] Xem xét khách quan, toàn diện vụ án thấy: Các bị cáo (08) có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, đủ điều kiện áp dụng khoản 3 Điều 54 BLHS xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Do vậy HĐXX thấy chỉ cần áp dụng hình phạt tiền theo quy định tại Điều 35 BLHS đối với 06 bị cáo (Vũ Chiến T; Phạm Trung T; Trần Phương N; Hoàng Anh T; Đặng Ngọc A và Nguyễn Văn L). Riêng đối với 02 bị cáo Ngô Minh H và Lê K, khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, được áp dụng thêm Điều 91 BLHS và chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo như đề nghị của Đại diện VKS là phù hợp; do vậy đề nghị của người bào chữa và 02 ĐDHP của bị cáo H và K là không thể đáp ứng được.

Đối với các bị cáo bị xử phạt tiền là hình phạt chính và 02 bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội thì không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] Về vật chứng: Quá trình chuẩn bị xét xử, thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án quân sự Khu vực 2- Quân khu 2 đã xử lý trả lại cho các bị cáo: 07 điện thoại di động theo Quyết định xử lý vật chứng số 04/2018/HSST-QĐ ngày 15/10/2018 của Tòa án quân sự Khu vực 2- Quân khu 2. HĐXX thấy việc xử lý trả lại trên là đúng pháp luật nên không xử lý lại.

Đối với số tiền 14.500.000đ thu tại chiếu bạc (trong đó thu trên chiếu bạc là 12.500.000đ của các bị cáo đang dùng vào việc đánh bạc và 2.000.000đ thu trên người bị cáo K là số tiền L vừa đánh bạc thắng và trả lại K). HĐXX căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 36 quân bài tú lơ khơ và 01 ga trải giường bằng vải màu trắng mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc đó là công cụ phạm tội; HĐXX căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy 36 quân bài (không có giá trị sử dụng). Còn đối với 01 ga trải giường của chủ nhà nghỉ đã cũ, chủ sở hữu là chị T không nhận lại và giá trị sử dụng còn không đáng kể; HĐXX căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu và tiêu hủy.

[9] Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu án phí, lệ phí Tòa án thì các bị cáo phải chịu án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố 08 bị cáo: Vũ Chiến T, Phạm Trung T, Trần Phương N, Đặng Ngọc A, Hoàng Anh T, Nguyễn Văn L, Ngô Minh H và Lê K phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54; khoản 1, khoản 3 Điều 35 BLHS, xử phạt 06 bị cáo:

+ Vũ Chiến T: 18.000.000 (mười tám triệu) đồng;

+ Phạm Trung T: 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng;

+ Trần Phương N: 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng;

+ Đặng Ngọc A: 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng;

+ Hoàng Anh T: 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng;

+ Nguyễn Văn L: 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 54; Điều 34; khoản 1 Điều 98 BLHS, xử phạt 02 bị cáo:

+ Ngô Minh H: Cảnh cáo;

+ Lê K: Cảnh cáo.

2. Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 14.500.000 (mười bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng của các bị cáo đã dùng để đánh bạc (số tiền này đang tạm giữ tại Ban TC - BTM Quân khu 2 ngày 02/7/2018).

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy: 36 quân bài tú lơ khơ (có đặc điểm như biên bản bắt người phạm tội quả tang của Công an phường NT, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ ngày 28/6/2018).

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu và tiêu hủy: 01 ga trải giường bằng vải màu trắng (có đặc điểm như biên bản bắt người phạm tội quả tang của Công an phường NT, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ ngày 28/6/2018).

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS các bị cáo Vũ Chiến T, Phạm Trung T, Trần Phương N, Đặng Ngọc A, Hoàng Anh T, Nguyễn Văn L, Ngô Minh H và Lê K, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/10/2018) các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 2./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAQSTW: 02b;
- VKSQS KV21: 01b;
- VKSQSQK2: 01b;
- CQĐTHSKV1, QK2: 01b;
- Phòng THA QK2: 01b;
- Các bị cáo: 08b;
- Người đại diện 02b;
- Người bào chữa 01b;
- Lưu HS, THAHS: 01b.

ĐM - In V.17b.

3// Phạm Hồng Quang